

Bản án số: 827/2022/KDTM-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Anh Phương Thảo

2. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 553/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12/9/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ

Trụ sở: Lô 2-A KCN quận H, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

1. Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1992 “có mặt”

2. Bà Từ Thị Hồng H2, sinh năm 1992 “vắng mặt”

3. Bà Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1993 “vắng mặt”

Địa chỉ: Tầng 5, Lô V5.8, Tòa I, số 203 đường N, phường T, quận X, Tp. Hà Nội. –

Là người đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền đề ngày 25/5/2022 của Công ty Cổ phần Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1972

“vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”.

2. Ông Vũ Tuấn L, sinh năm 1991

“vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”

3. Bà Phan Thị Lam H3, sinh năm 1978

Các ông bà là Luật sư Công ty Luật TNHH Đông Hà Nội thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 5, Lô V5.8, Tòa I, số 203 đường N, phường T, quận X, Tp. Hà Nội

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L

Trụ sở: 34 đường H, Phường 02, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Hoàng H4, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 449/5A đường X, Phường 02, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền: Văn bản ủy quyền đề ngày 01/8/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2022, các lời khai tiếp sau đó và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Bùi Thị Thu H trình bày:

Ngày 02/01/2018, Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L (Sau đây gọi tắt là Công ty L) đã ký Hợp đồng mua bán nhựa đường lỏng số 168/2018/ICT-LT, theo đó Công ty Cổ phần Đ tiến hành cung cấp cho Công ty L nhựa đường lỏng có độ kim lún 60/70 xuất xứ Singapore để thực hiện gói thầu A1 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, Công ty Cổ phần Đ sẽ cung cấp nhựa đường cho Công ty L theo nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L và được xác định tại các Phiếu cân kiểm biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện các bên.

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên, để thống nhất đơn giá nhựa đường tại từng thời điểm, từ ngày 06/01/2018 đến ngày 01/4/2020 Công ty Cổ phần Đ và Công ty L đã ký các Phụ lục Hợp đồng để điều chỉnh đơn giá: Phụ lục hợp đồng các ngày 06/01/2018; ngày 31/01/2018; ngày 09/4/2018; ngày 07/5/2018; ngày 01/6/2018; ngày 06/6/2018; ngày 26/6/2018; ngày 01/8/2018; ngày 01/4/2020.

Thực hiện đúng thỏa thuận tại các Hợp đồng và các Phụ lục đã ký, Công ty Cổ phần Đ đã cung cấp nhựa đường và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng gửi Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L với tổng giá trị khối lượng nhựa đường đã cung cấp là 34.554.238.400 đồng (Ba mươi bốn tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm đồng). Các hóa đơn giá trị gia tăng gồm: số 0002653 ngày 10/01/2018; số 0002657 ngày 30/01/2018; số 0002748 ngày 27/2/2018; số 0002750 ngày 28/2/2018; số 0002825 ngày 15/3/2018; số 0003024 ngày 28/4/2018; số 0003138 ngày 28/5/2018; số 0003186 ngày 30/6/2018; số 0003187 ngày 30/6/2018; số 0003188 ngày 30/6/2018; số 0003220 ngày 30/6/2018; số 0003519 ngày 31/8/2018; số 0003374 ngày 20/7/2018; số 0003389 ngày 31/7/2018. Quá trình thanh toán đến nay, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L mới chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ số tiền là 27.148.672.300 đồng (Hai mươi bảy tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm đồng). Ngày 06/4/2020, hai bên Công ty có ngồi lại đối chiếu xác nhận công nợ thì Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L còn nợ số tiền là 10.405.566.100 đồng (Mười tỷ bốn trăm lẻ năm triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm đồng). Đến ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L trả thêm số tiền là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Số tiền còn nợ đến nay chưa trả là 7.405.566.100 đồng (Bảy tỷ, bốn trăm linh năm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm đồng).

Công ty Cổ phần Đ đã nhiều lần gửi văn bản, liên hệ làm việc yêu cầu thanh toán nợ còn lại nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu. Do đó, Công ty Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ giá trị khối lượng nhựa đường còn thiếu số tiền là 7.405.566.100 đồng (Bảy tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm đồng). Tại đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 09/8/2022 và các lời khai tiếp sau đó, Công ty Cổ phần Đ yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L phải có trách nhiệm trả khoản tiền lãi chậm trả cho đến khi trả dứt nợ, tạm tính từ ngày 31/12/2020 đến ngày 28/9/2022 với số tiền là 1.290.394.531 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm ba mươi một đồng (cách tính số tiền lãi chậm trả theo Bảng tính lãi ngày 28/9/2022) theo mức lãi suất trung bình quá hạn trên thị trường của các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 12%. Tuy nhiên để

chia sẽ khó khăn với bị đơn nên Công ty Cổ phần Đ chỉ yêu cầu trả lãi do chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm. Đồng thời, yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L thanh toán ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, đồng thời tiếp tục trả lãi phát sinh do chậm thanh toán cho đến khi trả dứt nợ cho Công ty Cổ phần Đ theo mức lãi suất là 10%/năm.

* Tại bản tự khai, các biên bản làm việc và tại phiên tòa, bị đơn - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L có đại diện là bà Hoàng Huỳnh H4 trình bày: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L xác nhận có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa và các phụ lục hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng cũng như thanh toán công nợ, hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L còn nợ Công ty Cổ phần Đ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 06/4/2020, số tiền còn nợ chưa thanh toán số tiền là 7.405.566.100 đồng (Bảy tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm đồng). Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu nêu trên cho Công ty Cổ phần Đ. Tuy nhiên, do tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L đang gặp khó khăn cũng như chưa thu hồi được các khoản nợ của các đối tác khác nên chưa trả ngay số tiền còn thiếu nêu trên. Đề nghị Công ty Cổ phần Đ cho dẫn thời gian trả nợ theo lộ trình trả dần từ nay đến hết năm 2025 sẽ trả dứt điểm số tiền nợ còn thiếu cho Công ty Cổ phần Đ. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 31/12/2020 đến khi trả dứt nợ, tạm tính đến ngày 28/9/2022 số tiền là 1.290.394.531 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm ba mươi một đồng) theo mức lãi suất là 10%/năm thì Công ty bị đơn không có ý kiến tranh chấp gì. Tuy nhiên, hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L đang gặp khó khăn không có khả năng thanh toán nên đề nghị Công ty nguyên đơn miễn trả tiền lãi chậm thanh toán và cho Công ty bị đơn thanh toán tiền nợ gốc theo lộ trình đến hết năm 2025.

- Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có luật sư bà Phan Thị Lam H3 trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L có xác lập quan hệ mua bán hàng hóa và hiện Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L còn nợ Công ty Cổ phần Đ số tiền nợ mua hàng còn thiếu là 7.405.566.100 đồng (Bảy tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm đồng). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn thiếu là 7.405.566.100 đồng (Bảy tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm đồng) cho Công ty Cổ phần Đ. Đồng thời, do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên căn cứ Điều 306 Luật Thương mại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L có trách nhiệm thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 31/12/2020 đến ngày Tòa án xét xử là 28/9/2022 theo mức lãi suất là 10%/năm, số tiền là 1.290.394.531 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm ba mươi một đồng). Đồng thời, kể từ ngày 29/9/2022 trở đi, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L tiếp tục trả lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả dứt nợ cho Công ty Cổ phần Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa

xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 30/6/2022, Công ty Cổ phần Đ có đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L yêu cầu thanh toán số tiền mua nhựa đường còn thiếu là 7.405.566.100 đồng (Bảy tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm đồng) theo Hợp đồng mua bán, các phụ lục hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ ngày 06/4/2020. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa. Ngày 09/8/2022 và các lời khai tiếp sau đó, Công ty Cổ phần Đ có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L phải trả lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ còn thiếu theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo mức lãi suất là 10% cho đến khi trả đủ nợ Công ty Cổ phần Đ tính kể từ ngày 31/12/2020 tạm tính đến ngày xét xử là 1.290.394.531 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi một đồng). Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được chấp nhận thụ lý để xem xét, giải quyết. Bị đơn - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L có trụ sở tại 34 đường Hoa Đào, Phường 02, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

[2] Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa sơ thẩm cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ngày 02/01/2018, Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L đã ký kết Hợp đồng mua bán nhựa đường lòng số 168/2018/ICT-LT. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, Công ty Cổ phần Đ sẽ cung cấp nhựa đường cho Công ty bị đơn theo nhu cầu thực tế của Công ty bị đơn và được xác định tại các Phiếu cân kiểm biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện các bên. Để thống nhất đơn giá nhựa đường tại từng thời điểm, từ ngày 06/01/2018 đến ngày 01/4/2020 Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L đã ký các Phụ lục Hợp đồng để điều chỉnh đơn giá: Phụ lục hợp đồng các ngày 06/01/2018; ngày 31/01/2018; ngày 09/4/2018; ngày 07/5/2018; ngày 01/6/2018; ngày 06/6/2018; ngày 26/6/2018; ngày 01/8/2018; ngày 01/4/2020; Thực hiện đúng thỏa thuận tại các Hợp đồng và các Phụ lục đã ký, Công ty Cổ phần Đ đã cung cấp nhựa đường và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng gửi Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L với tổng giá trị khối lượng nhựa đường đã cung cấp là 34.554.238.400 đồng (Ba mươi bốn tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm đồng). Quá trình thanh toán, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L mới chỉ thanh toán số tiền là 27.148.672.300 đồng (Hai mươi bảy tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm đồng). Ngày 06/4/2020, hai bên Công ty có ngồi lại đối chiếu xác nhận công nợ thì Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L còn nợ số tiền là 10.405.566.100 đồng (Mười tỷ bốn trăm lẻ năm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm đồng). Ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L trả thêm số tiền là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Như vậy, số tiền mà Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L còn nợ đến nay chưa trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền là 7.405.566.100 đồng (Bảy tỷ, bốn trăm linh năm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm đồng). Do đó, Công ty Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn thiếu nêu trên do mua hàng chưa thanh toán là có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về yêu cầu tiền lãi của Công ty Cổ phần Đ thì bị đơn không tranh chấp về tiền lãi, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu nhưng do Công ty Cổ phần Đầu tư xây

dựng L có khó khăn về tài chính nên đề nghị nguyên đơn miễn khoản tiền lãi cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L nhưng Công ty Cổ phần Đ không đồng ý. Xét thấy, căn cứ thỏa thuận tại Điều 5.1 Điều 5 Hợp đồng và lời khai của các đương sự thì Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 31/12/2020 nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán trên số tiền còn thiếu từ ngày 31/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ, tạm tính đến ngày 28/9/2022 với số tiền lãi là 1.290.394.531 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi một đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại quy định về “Quyền yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán”. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L đề nghị miễn thanh toán tiền lãi do có khó khăn nhưng không được nguyên đơn đồng ý do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về mức lãi suất chậm trả, theo bảng chiết tính lãi Công ty Cổ phần Đ yêu cầu trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm. Xét thấy, căn cứ kết quả xác minh lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 15.75%/năm. Như vậy, mức lãi suất chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 31/12/2020 tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 1.290.394.531 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi một đồng). Kể từ ngày 29/9/2022 trở đi, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi trả dứt nợ cho Công ty Cổ phần Đ.

[4] Về phương thức thanh toán: Bị đơn xin trả dần cho đến năm 2025 trả dứt nợ; Công ty Cổ phần Đ không đồng ý. Do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L vi phạm về thời gian thanh toán tiền mua hàng đã lâu nên Nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Án phí KDTMST: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thi hành, cụ thể án phí phải chịu là 116.695.960 đồng (Một trăm mười sáu triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty Cổ phần Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 147; Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01-NQ/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Cổ phần Đ.

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ toàn bộ số tiền nợ còn thiếu là 8.695.960.631 đồng (Tám tỉ sáu trăm chín

mười lăm triệu chín trăm sáu mươi ngàn sáu trăm ba mươi một đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 7.405.566.100 đồng (Bảy tỷ, bốn trăm linh năm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm đồng) và tiền lãi là 1.290.394.531 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm ba mươi một đồng) tạm tính đến ngày 28/9/2022. Theo Hợp đồng mua bán nhựa đường lỏng số 168/2018/ICT-LT ngày 02/01/2018 và các Phụ lục hợp đồng, biên bản xác nhận, đối chiếu công nợ đã ký kết.

Kể từ ngày 29/9/2022 trở đi, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty Cổ phần Đ theo mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi trả dứt nợ.

2. Án phí KDTM sơ thẩm:

2.1 Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 116.695.960 đồng (Một trăm mười sáu triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

2.2. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 81.537.226 đồng (Tám mươi một triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi sáu đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0029608 ngày 18 tháng 7 năm 2022 và biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0029664 ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo